

NGHỊ QUYẾT
HỘI NGHỊ LẦN THỨ CHÍN
BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ TỈNH KHÓA XIX
Về Chương trình Chuyển đổi số tỉnh Hưng Yên
giai đoạn 2021 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030

I- TÌNH HÌNH VÀ NGUYÊN NHÂN

1- Những thành tựu, kết quả

Về xây dựng Chính quyền điện tử: Trong những năm qua, các cấp ủy đảng, chính quyền, các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh đã tích cực quán triệt, triển khai ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành; trung tâm dữ liệu tập trung của tỉnh được quan tâm đầu tư xây dựng; hệ thống thư điện tử, quản lý văn bản đi đến, công, trang thông tin điện tử, cổng dịch vụ công và một cửa điện tử, giao ban điện tử, mạng truyền số liệu chuyên dùng của cơ quan Đảng, Nhà nước được triển khai kết nối liên thông từ xã đến tỉnh và với Trung ương cùng các cơ sở dữ liệu chuyên ngành được đầu tư, đưa vào sử dụng đã phát huy hiệu quả, giúp giảm thời gian xử lý công việc và tiết kiệm chi phí. Đến nay, cung cấp 30% dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 phục vụ giải quyết thủ tục hành chính, tạo tiền đề cho việc xây dựng chính quyền điện tử, hướng tới chính quyền số.

Về phát triển kinh tế số: Kinh tế số bước đầu đóng góp tích cực vào sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Công nghệ số được ứng dụng chủ yếu trong các ngành công nghiệp, nông nghiệp, y tế, giáo dục và dịch vụ. Hiện nay, trên địa bàn tỉnh đã xuất hiện nhiều hình thức kinh doanh, dịch vụ mới dựa trên nền tảng công nghệ số và Internet, góp phần tạo việc làm, nâng cao thu nhập, chất lượng cuộc sống của người dân, tạo nguồn thu cho ngân sách nhà nước. Toàn tỉnh hiện có trên 350 doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực công nghệ thông tin; doanh thu từ hoạt động sản xuất kinh doanh số đạt khoảng 400 tỷ đồng, tương đương 3% thu ngân sách tỉnh.

Về xã hội số: Mạng lưới cáp quang được lắp đặt đến 100% thôn, tổ dân phố, trong đó trên 50% hộ gia đình sử dụng dịch vụ truy cập Internet băng rộng, tốc độ cao. Toàn tỉnh có 983 trạm thu phát sóng thông tin di động, truy cập Internet đến 100% thôn, tổ dân phố, trong đó trên 51% thuê bao có sử dụng dịch vụ truy cập Internet 3G và 4G; có trên 1,25 triệu thuê bao điện thoại và gần 170 nghìn thuê bao internet, 70% người dân Hưng Yên sử dụng điện thoại thông minh.

2- Hạn chế và nguyên nhân

2.1- Hạn chế

Hạ tầng kỹ thuật chưa được quan tâm đầu tư đồng bộ; quy mô kinh tế số còn nhỏ; nhiều doanh nghiệp chưa chủ động tiếp cận, ứng dụng, phát triển công nghệ hiện đại vào quản lý và sản xuất; số doanh nghiệp công nghệ thông tin hỗ trợ chuyển đổi số chưa nhiều; chuyên đổi số đặt ra nhiều thách thức cả về kinh tế và xã hội; công tác đảm bảo an toàn thông tin, an ninh mạng và đấu tranh với vi phạm luật trên không gian mạng còn gặp nhiều khó khăn; cơ cấu và chất lượng nguồn nhân lực công nghệ thông tin hạn chế; các hoạt động sản xuất, kinh doanh trên nền tảng số còn ít, rời lẻ; chưa có giải pháp hiệu quả trong công tác quản lý và thu thuế đối với hoạt động kinh doanh qua mạng; việc tiếp cận thông tin, các dịch vụ y tế, giáo dục thông minh ở khu vực nông thôn còn có khoảng cách lớn so với khu vực đô thị.

2.2- Nguyên nhân của hạn chế

Nhận thức của một bộ phận cán bộ, công chức, viên chức, người dân về chuyển đổi số còn chưa đầy đủ; nguồn lực đầu tư cho khoa học, công nghệ chưa đáp ứng được yêu cầu phát triển; công tác quản lý nhà nước về chuyển đổi số chưa theo kịp với thực tiễn; sự phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị, địa phương trong thực hiện chuyển đổi số chưa thật sự chặt chẽ; chưa có cơ chế, chính sách cho đầu tư, phát triển, hỗ trợ doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh trên nền tảng công nghệ số.

II- QUAN ĐIỂM VÀ MỤC TIÊU

1- Quan điểm chỉ đạo

1.1- Chuyển đổi số là công cụ quan trọng, xu hướng tất yếu trong lãnh đạo, điều hành kinh tế - xã hội của địa phương và hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp, người dân trong cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư; đổi mới căn bản, toàn diện hoạt động quản lý, điều hành của cơ quan nhà nước, hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, phương thức sống, làm việc của người dân nhằm phát triển môi trường số an toàn, nhân văn, rộng khắp.

1.2- Huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực để thúc đẩy phát triển các nền tảng công nghệ số, chuyên đổi số tại tỉnh. Thay đổi căn bản nhận thức của cộng đồng, tư duy và ý chí quyết tâm của cả hệ thống chính trị trong tiếp cận và ứng dụng công nghệ thông tin có vai trò quyết định trong chuyển đổi số tại địa phương.

1.3- Người dân và doanh nghiệp là trung tâm của chuyển đổi số; minh bạch hóa, tăng cường sự tham gia của người dân và doanh nghiệp vào hoạt động của cơ quan nhà nước. Đơn giản hóa thủ tục hành chính, chuyển đổi sang nền hành chính công dựa trên nền tảng số; cung cấp thêm các dịch vụ công theo phương thức số (dịch vụ số) thân thiện, dễ sử dụng, mang lại giá trị gia tăng cho người dân.

1.4- Chuyển đổi số là trách nhiệm của cả hệ thống chính trị, doanh nghiệp và người dân dưới sự lãnh đạo của Đảng và quản lý của Nhà nước; tạo sự thống nhất nhận thức và hành động về chuyển đổi số trong toàn xã hội ở tỉnh Hưng Yên.

2- Mục tiêu

2.1- Mục tiêu tổng quát

Xây dựng chính quyền số, phát triển kinh tế số và xã hội số. Chuyển đổi số toàn diện là nền tảng, động lực quan trọng xây dựng xã hội thông minh và nền kinh tế hiện đại; thúc đẩy quá trình cơ cấu lại nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng, nâng cao năng suất lao động và năng lực cạnh tranh của tỉnh. Hệ thống quản lý nhà nước và xã hội được vận hành dựa trên nền tảng số và hiệu lực, hiệu quả cao. Đến năm 2030, tỉnh Hưng Yên thuộc nhóm 20 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương dẫn đầu về chuyển đổi số.

2.2- Mục tiêu cụ thể

a) Đến năm 2025

* Phát triển Chính quyền số, nâng cao hiệu quả, hiệu lực hoạt động

- 100% dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 và mức độ 4 (trong đó trên 90% dịch vụ công trực tuyến mức độ 4) được cung cấp trên nhiều phương tiện truy cập khác nhau, bao gồm cả thiết bị di động;

- 100% hoạt động quản lý nhà nước các cơ quan từ cấp tỉnh đến cấp xã sử dụng văn bản điện tử có chữ ký số, liên thông từ cấp tỉnh đến cấp xã và liên thông quốc gia trong các hoạt động quản lý nhà nước (trừ hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước);

- 90% hồ sơ công việc tại cấp tỉnh; 80% hồ sơ công việc tại cấp huyện và 60% hồ sơ công việc tại cấp xã được xử lý trên môi trường mạng (trừ hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước);

- 100% chế độ báo cáo, chỉ tiêu tổng hợp báo cáo định kỳ và báo cáo thống kê về kinh tế - xã hội phục vụ sự chỉ đạo, điều hành của Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh được kết nối, tích hợp, chia sẻ dữ liệu số trên Hệ thống thông tin báo cáo Chính phủ;

- 100% cơ sở dữ liệu dùng chung và chuyên ngành được kết nối, chia sẻ trên toàn tỉnh và với các cơ sở dữ liệu quốc gia. Xây dựng Cổng thông tin dữ liệu mở của tỉnh để chia sẻ dữ liệu cho cộng đồng phục vụ phát triển chính quyền số, phục vụ nhân dân và phát triển kinh tế - xã hội;

- 50% hoạt động kiểm tra, giám sát của cơ quan quản lý nhà nước được thực hiện thông qua môi trường số và hệ thống thông tin của cơ quan quản lý;

- Có 02 đô thị là thành phố Hưng Yên và thị xã Mỹ Hào đạt các tiêu chí cơ bản về đô thị thông minh.

* Phát triển kinh tế số, nâng cao năng lực cạnh tranh của nền kinh tế

- Phân đầu kinh tế số chiếm 20% GRDP (Tổng sản phẩm trên địa bàn);

- Tỷ trọng kinh tế số trong từng ngành, lĩnh vực đạt tối thiểu 10%;

- Năng suất lao động hằng năm tăng tối thiểu 7%;
- Phần đầu có 500 doanh nghiệp số.
- * Phát triển xã hội số, thu hẹp khoảng cách số
 - Hạ tầng mạng băng rộng cáp quang bao phủ 100% xã, phường, thị trấn và trên 80% hộ gia đình; phổ cập dịch vụ mạng di động 4G/5G;
 - 90% người dân sử dụng điện thoại thông minh;
 - Tỷ lệ dân số có tài khoản thanh toán điện tử trên 50%.

b) Đến năm 2030

- * Phát triển Chính quyền số, nâng cao hiệu quả, hiệu lực hoạt động
 - 100% dịch vụ công trực tuyến mức độ 4, được cung cấp trên nhiều phương tiện truy cập khác nhau, bao gồm cả thiết bị di động;
 - 100% hồ sơ công việc tại cấp tỉnh; 90% hồ sơ công việc tại cấp huyện và 70% hồ sơ công việc tại cấp xã được xử lý trên môi trường mạng (trừ hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước);
 - Hình thành nền tảng dữ liệu và hạ tầng kết nối mạng Internet vạn vật (IoT), kết nối, chia sẻ rộng khắp giữa các cơ quan nhà nước, giảm ít nhất 30% thủ tục hành chính; mở dữ liệu cho các tổ chức, doanh nghiệp, tăng 30% dịch vụ sáng tạo dựa trên dữ liệu phục vụ người dân, doanh nghiệp;
 - 70% hoạt động kiểm tra của cơ quan quản lý nhà nước được thực hiện thông qua môi trường số và hệ thống thông tin của cơ quan quản lý.
 - Các đô thị trực thuộc tỉnh đạt các tiêu chí cơ bản về đô thị thông minh.
- * Phát triển kinh tế số, nâng cao năng lực cạnh tranh của nền kinh tế
 - Kinh tế số chiếm 30% GRDP (Tổng sản phẩm trên địa bàn);
 - Tỷ trọng kinh tế số trong từng ngành, lĩnh vực đạt tối thiểu 20%;
 - Năng suất lao động hằng năm tăng tối thiểu 7,5%;
 - Phần đầu có trên 1.000 doanh nghiệp số.
- * Phát triển xã hội số, thu hẹp khoảng cách số
 - Phổ cập dịch vụ mạng Internet băng rộng cáp quang;
 - Phổ cập dịch vụ mạng di động 5G;
 - Tỷ lệ dân số có tài khoản thanh toán điện tử trên 80%.

III- NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1- Tăng cường sự lãnh đạo của các cấp ủy Đảng, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước; đẩy mạnh công tác đào tạo, tuyên truyền, nâng cao nhận thức về chuyển đổi số

Cấp ủy, chính quyền các cấp tiếp tục đẩy mạnh công tác lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện có hiệu quả Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27/9/2019 của Bộ Chính trị

về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư; Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030.

Người đứng đầu cấp ủy đảng, chính quyền các cấp chịu trách nhiệm trực tiếp về chuyển đổi số trong cơ quan, đơn vị, tổ chức, lĩnh vực, địa bàn phụ trách; tổ chức tuyên truyền, nâng cao nhận thức, tạo thói quen làm việc không giấy tờ, họp không tập trung, mua bán trực tuyến, thanh toán không dùng tiền mặt và khuyến khích tiếp cận, giải quyết công việc trên môi trường mạng với các dữ liệu số hóa. Hằng năm, lấy kết quả của việc thực hiện chuyển đổi số làm tiêu chí đánh giá, bình xét thi đua tại cơ quan, đơn vị.

Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy chỉ đạo, định hướng các cơ quan thông tin, truyền thông tăng cường thời lượng, mở các chuyên trang, chuyên mục tuyên truyền sâu rộng các nội dung của Chương trình; khuyến khích người dân và doanh nghiệp tham gia góp ý, giám sát và sử dụng các dịch vụ, tiện ích do chuyển đổi số mang lại; kịp thời biểu dương, phổ biến, nhân rộng các mô hình, điển hình tiên tiến trong thực hiện chuyển đổi số, phát triển kinh tế số trên địa bàn tỉnh.

Các huyện, thị xã, thành phố chủ động lựa chọn, bố trí ít nhất một đơn vị cấp xã để triển khai thử nghiệm công tác truyền thông, phổ biến kỹ năng số cơ bản cho người dân như: Truy cập và sử dụng Internet, thư điện tử, mua bán trực tuyến, thanh toán điện tử, dịch vụ công trực tuyến và bảo đảm an toàn thông tin cá nhân. Thường xuyên tổ chức đánh giá hiệu quả triển khai và lựa chọn mô hình tiên tiến để phổ biến, nhân rộng.

Tổ chức hội nghị, hội thảo, tọa đàm về chuyển đổi số nhằm trao đổi kinh nghiệm, nâng cao nhận thức về chuyển đổi số; tổ chức các chuyên đề đào tạo, tập huấn kiến thức cơ bản, nâng cao về chuyển đổi số và kiến thức, nghiệp vụ quản lý nhà nước trên nền tảng chuyển đổi số cho lãnh đạo, cán bộ, công chức, viên chức, người lao động từ tỉnh đến xã; tổ chức các khoá học, trao đổi với doanh nghiệp về xu thế và tính tất yếu của chuyển đổi số hiện nay trong doanh nghiệp.

2- Xây dựng cơ chế, chính sách thúc đẩy quá trình chuyển đổi số

Tổ chức rà soát, sửa đổi, bổ sung các văn bản quy định của tỉnh để đáp ứng yêu cầu điều chỉnh các mối quan hệ mới phát sinh trong tiến trình thực hiện chuyển đổi số nhằm thúc đẩy khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo, hoạt động đầu tư, kinh doanh.

Cập nhật Kiến trúc chính quyền điện tử tỉnh Hưng Yên các năm, đảm bảo phù hợp với tình hình thực tiễn. Xây dựng và ban hành Đề án tổng thể thực hiện Chương trình chuyển đổi số tỉnh Hưng Yên đến năm 2025 và định hướng đến năm 2030.

Xây dựng quy định về dịch vụ công trực tuyến theo hướng toàn diện đảm bảo các điều kiện pháp lý cho người dân, doanh nghiệp khi tham gia cũng như các chế tài phù hợp để vận hành hiệu quả trong hệ thống cơ quan nhà nước.

Xây dựng các quy định về dữ liệu tập trung, số hóa dữ liệu và mối quan hệ vận hành, kết nối, chia sẻ dữ liệu của các hệ thống thông tin trong cơ quan nhà nước. Trong đó, cần nêu rõ quy chuẩn về dữ liệu số hóa, quy chuẩn về lưu trữ tập trung, quy chuẩn về khai thác dữ liệu, quy chuẩn về chia sẻ dữ liệu cho cộng đồng xã hội và bảo mật thông tin cá nhân trên nền tảng kiến trúc số.

Xây dựng bộ tiêu chí đánh giá, xếp hạng cơ quan, đơn vị thực hiện chuyên đổi số. Xây dựng chính sách khuyến khích người dân, doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh sản phẩm công nghệ số và sử dụng, cung cấp các dịch vụ số.

3- Xây dựng, phát triển hạ tầng kỹ thuật và các nền tảng phục vụ chuyển đổi số

- Xây dựng, triển khai hạ tầng kỹ thuật

+ Các doanh nghiệp công nghệ, viễn thông xây dựng, phát triển hạ tầng kỹ thuật mạng viễn thông công nghệ mới với băng rộng cáp quang, di động 4G/5G hiện đại, chất lượng cao và bảo đảm an ninh, an toàn thông tin trên toàn tỉnh. Trong đó, ưu tiên xây dựng, phát triển trước tại các cơ quan nhà nước, trường học, bệnh viện, các khu/cụm công nghiệp, khu đô thị.

+ Chuyển đổi toàn bộ địa chỉ mạng Internet của tỉnh Hưng Yên sang ứng dụng địa chỉ giao thức Internet thế hệ mới (IPv6).

+ Các dịch vụ trực tuyến của cơ quan nhà nước, báo điện tử, trang thông tin điện tử tổng hợp, giáo dục, y tế, thương mại điện tử của tỉnh phải sử dụng tên miền quốc gia (.vn).

+ Xây dựng hạ tầng kỹ thuật kết nối mạng Internet vạn vật có lộ trình để triển khai tích hợp cảm biến và ứng dụng công nghệ số vào các lĩnh vực thiết yếu như an ninh, trật tự, giao thông, môi trường, năng lượng, điện, nước, đô thị để chuyển đổi thành một bộ phận cấu thành quan trọng của hạ tầng số.

+ Tất cả các dự án đầu tư xây dựng hạ tầng thiết yếu, hạ tầng giao thông, đô thị, xây dựng phải có nội dung nghiên cứu, phân tích để xem xét, bổ sung hạng mục ứng dụng, kết nối mạng Internet vạn vật, tích hợp cảm biến và ứng dụng công nghệ số. Các nội dung phát triển hạ tầng Internet vạn vật phải bảo đảm hiệu quả, phát triển các hạ tầng dùng chung, tránh đầu tư trùng lặp.

- Xây dựng, phát triển nền tảng số

+ Tiếp tục nâng cấp, hoàn thiện nền tảng Trục tích hợp, kết nối liên thông và chia sẻ dữ liệu giữa các hệ thống thông tin của tỉnh Hưng Yên.

+ Xây dựng, triển khai nền tảng kết nối dịch vụ số hóa đảm bảo yêu cầu cho các thành phần tham gia có thể phân loại và xác định lộ trình số hóa dữ liệu và

công cụ số hóa dữ liệu theo quy chuẩn thống nhất. Dữ liệu số hóa phải đảm bảo việc kết nối các dịch vụ số hóa với các ứng dụng tại các cơ quan, đơn vị và kho dữ liệu dùng chung của tỉnh. Lưu trữ tài liệu được số hóa có xác thực, làm hồ sơ gốc phục vụ cho việc quản lý, khai thác tài liệu điện tử.

+ Xây dựng, phát triển và tiếp nhận các nền tảng số có khả năng triển khai dùng chung rộng khắp trong một số lĩnh vực như: Thương mại điện tử, nông nghiệp, du lịch, y tế, giáo dục, giao thông, xây dựng, tài nguyên và môi trường, nội dung số, dịch vụ kế toán, tài chính doanh nghiệp, đô thị và có chính sách khuyến khích các tổ chức, doanh nghiệp công nghệ số đầu tư phát triển các hệ thống này.

4- Xây dựng Chính quyền số

Phát triển, hoàn thiện hệ thống Công Dịch vụ công và Một cửa điện tử của tỉnh kết nối với Công Dịch vụ công quốc gia để cung cấp các dịch vụ công trực tuyến mức độ 4; cung cấp toàn bộ các dịch vụ công trực tuyến lên mức độ 3, mức độ 4 trên Công Dịch vụ công và Một cửa điện tử của tỉnh theo lộ trình phù hợp. Thực hiện giải quyết thủ tục hành chính trên môi trường điện tử, số hóa kết quả giải quyết thủ tục hành chính.

Chuẩn hóa, điện tử hóa quy trình nghiệp vụ xử lý hồ sơ, biểu mẫu, chế độ báo cáo của các ngành, lĩnh vực trên môi trường mạng; thực hiện gửi, nhận văn bản điện tử, báo cáo điện tử phải được ký số bằng chữ ký số theo quy định giữa các cơ quan quản lý nhà nước, các tổ chức chính trị - xã hội, các doanh nghiệp và người dân; đồng bộ thực hiện số hóa hồ sơ, lưu trữ hồ sơ công việc điện tử của các cơ quan nhà nước.

Triển khai hiệu quả các dịch vụ trên nền tảng đô thị thông minh; Trung tâm giám sát, điều hành thông minh; lựa chọn đô thị điển hình của tỉnh để triển khai thử nghiệm đô thị thông minh trước, gắn liền phát triển dịch vụ đô thị thông minh với hệ thống chính quyền điện tử, phát triển bền vững kinh tế. Xác định mô hình triển khai thành công để phổ biến, nhân rộng.

Xây dựng, nâng cấp hạ tầng kỹ thuật công nghệ thông tin phục vụ Chính quyền điện tử hướng tới Chính quyền số của tỉnh đáp ứng nhu cầu triển khai thực tế như: Trang thiết bị công nghệ thông tin; Trung tâm dữ liệu tỉnh; Mạng truyền số liệu chuyên dùng của các cơ quan Đảng, Nhà nước với năng lực tính toán cao và được kết nối đồng bộ để phục vụ các hệ thống thông tin của tỉnh đảm bảo tin cậy, ổn định, dựa trên công nghệ tiên tiến đạt chuẩn cao.

Nâng cấp, chuyển đổi hệ thống truyền thanh cơ sở sử dụng công nghệ cũ sang sử dụng hệ thống truyền thanh ứng dụng công nghệ thông tin đồng bộ, kết nối liên thông từ tỉnh đến xã phục vụ công tác tuyên truyền chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước đảm bảo hiệu quả; người dân có thể tiếp cận với các thông tin tuyên truyền của tất cả các địa phương trong tỉnh qua các thiết bị có kết nối internet.

5- Phát triển kinh tế số

Phát triển thương mại điện tử của tỉnh. Xây dựng thị trường thương mại điện tử lành mạnh có tính cạnh tranh và phát triển bền vững, trong đó hỗ trợ ứng dụng rộng rãi thương mại điện tử trong doanh nghiệp và cộng đồng. Tăng cường xây dựng các hệ thống hạ tầng và dịch vụ nhằm hỗ trợ phát triển thương mại điện tử. Thúc đẩy việc áp dụng nhanh chóng nền tảng mã địa chỉ bưu chính trong hoạt động thương mại điện tử và logistic.

Thúc đẩy chuyển đổi số tại các doanh nghiệp sản xuất công nghiệp, thay đổi quy trình sản xuất, tăng cường áp dụng các giải pháp công nghệ hiện đại, sáng tạo ra các mô hình sản xuất mới hiệu quả hơn và từng bước chuyển dịch sang phương thức sản xuất mới.

Thúc đẩy khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo; tập trung xây dựng Trung tâm khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo tỉnh Hưng Yên với mục tiêu hoàn chỉnh hệ sinh thái khởi nghiệp nhằm thúc đẩy nâng cao hiệu quả sản xuất, kiến tạo các mô hình sản xuất chất lượng cao, năng suất lao động cao.

Khuyến khích các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh chủ động, tích cực hợp tác với các tập đoàn, doanh nghiệp công nghệ số lớn của các nước phát triển để phối hợp nghiên cứu, phát triển, chuyển giao và triển khai công nghệ mới, tiên tiến; ưu đãi, hỗ trợ các doanh nghiệp khởi nghiệp phát triển và khuyến khích các doanh nghiệp đi đầu trong việc ứng dụng các công nghệ hiện đại để đi tắt đón đầu, có khả năng tạo bứt phá mạnh mẽ như trí tuệ nhân tạo, chuỗi khối và thực tế ảo/thực tế tăng cường vào hoạt động sản xuất, thương mại.

6- Phát triển xã hội số

Đảm bảo 100% hệ thống cáp quang được phủ đến cấp xã và cơ bản các hộ gia đình có kết nối internet. Tham gia chương trình quốc gia và phối hợp với các doanh nghiệp công nghệ có uy tín, có thương hiệu để triển khai chương trình phổ cập điện thoại di động thông minh với giá thành phù hợp với người dân.

Triển khai các chương trình đào tạo, đào tạo lại kỹ năng lãnh đạo, quản lý chuyển đổi số cho người đứng đầu các cơ quan, tổ chức, giám đốc điều hành các doanh nghiệp.

Cung cấp các khóa học đại trà trực tuyến mở cho tất cả người dân để nâng cao khả năng tiếp cận giáo dục nhờ công nghệ số, đào tạo, đào tạo lại, đào tạo nâng cao kỹ năng số. Phổ cập việc thi trực tuyến; xây dựng nền tảng chia sẻ tài nguyên giảng dạy và học tập; phát triển các doanh nghiệp công nghệ phục vụ giáo dục hướng tới đào tạo cá thể hóa.

Triển khai áp dụng mô hình giáo dục tích hợp khoa học - công nghệ - kỹ thuật - toán học và nghệ thuật, kinh doanh, doanh nghiệp; đào tạo ngoại ngữ và kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin; bảo đảm an toàn thông tin tại các cấp học. Đào tạo, tập huấn, hướng nghiệp để học sinh có các kỹ năng sẵn sàng cho môi trường số.

Đánh giá tác động của công nghệ số đến xã hội để có giải pháp chủ động giảm thiểu ảnh hưởng tiêu cực của công nghệ số; ban hành quy tắc ứng xử trên môi trường số cho doanh nghiệp và người dân; giải đáp thắc mắc và hỗ trợ người dân bị ảnh hưởng, tác động tiêu cực bởi công nghệ số.

7- Một số lĩnh vực ưu tiên chuyển đổi số

- Chuyển đổi số trong lĩnh vực y tế:

+ Xây dựng từng bước để hình thành hệ thống chăm sóc sức khỏe và phòng bệnh dựa trên công nghệ số; ứng dụng công nghệ số toàn diện tại các cơ sở khám, chữa bệnh góp phần cải cách thủ tục hành chính, khám chữa bệnh từ xa, hồ sơ bệnh án điện tử và đơn thuốc điện tử cho người dân, nhằm bảo đảm người dân có thể tiếp cận với bác sĩ nhanh, hiệu quả, giảm chi phí và thời gian vận chuyển bệnh nhân; xây dựng nền tảng quản trị y tế thông minh dựa trên công nghệ số, tích hợp thông tin, dữ liệu, hình thành cơ sở dữ liệu chuyên ngành về y tế của tỉnh; 100% cơ sở y tế có bộ phận hỗ trợ khám chữa bệnh từ xa để thúc đẩy chuyển đổi số ngành y tế.

+ Thử nghiệm triển khai sáng kiến “Mỗi người dân có một bác sĩ riêng” với mục tiêu mỗi người dân có một hồ sơ số về sức khỏe cá nhân, trên cơ sở đó được bác sĩ tư vấn, chăm sóc cho từng người dân như là bác sĩ riêng, hình thành hệ thống chăm sóc y tế số hoàn chỉnh từ khâu chăm sóc sức khỏe ban đầu, dự phòng đến điều trị.

- Chuyển đổi số trong lĩnh vực giáo dục: Xây dựng, triển khai nền tảng hỗ trợ dạy và học từ xa, ứng dụng triệt để công nghệ số trong công tác quản lý, giảng dạy và học tập; số hóa tài liệu, giáo trình; xây dựng nền tảng chia sẻ tài nguyên giảng dạy và học tập theo cả hình thức trực tiếp và trực tuyến hướng tới đào tạo cá thể hóa; phấn đấu 100% cơ sở giáo dục triển khai công tác dạy và học từ xa, trong đó thử nghiệm chương trình đào tạo cho phép học sinh, sinh viên học trực tuyến tối thiểu 20% nội dung chương trình. Ứng dụng công nghệ số để giao bài tập về nhà, kiểm tra sự chuẩn bị của học sinh trước khi đến lớp và kết nối, chia sẻ thông tin giữa nhà trường với gia đình học sinh.

- Chuyển đổi số trong lĩnh vực nông nghiệp:

+ Khuyến khích, ưu đãi phát triển nông nghiệp theo hướng công nghệ cao, chú trọng nông nghiệp thông minh. Từng bước thực hiện chuyển đổi số nông nghiệp dựa trên nền tảng dữ liệu. Tập trung xây dựng hệ thống dữ liệu của ngành về đất đai, tưới tiêu, cây trồng, vật nuôi, thủy sản... Thúc đẩy cung cấp thông tin về môi trường, thời tiết, sâu bệnh, chất lượng đất đai; hỗ trợ chia sẻ các thiết bị nông nghiệp qua nền tảng số.

+ Ứng dụng công nghệ số để tự động hóa một số quy trình sản xuất, kinh doanh phù hợp với điều kiện sản xuất của mỗi địa phương; chuyển đổi số trong công tác quản lý để có các chính sách, điều hành kịp thời phát triển nông nghiệp như dự báo, cảnh báo thị trường, quản lý quy hoạch.

- Chuyển đổi số trong lĩnh vực sản xuất công nghiệp và thương mại:

+ Chuyển đổi số trong lĩnh vực sản xuất công nghiệp theo hướng chú trọng phát triển các tổ chức thông minh, xây dựng nhà máy thông minh, vận hành thông minh, tạo ra các sản phẩm thông minh; xây dựng dịch vụ về dữ liệu và phát triển kỹ năng số cho người lao động.

+ Xây dựng, triển khai nền tảng thương mại điện tử thông qua chuỗi giá trị, không chỉ dừng lại ở người tiêu dùng. Các nhà sản xuất, nhà phân phối vừa và nhỏ, nhà bán buôn, người nông dân và các kênh thương mại bán lẻ, công ty thương mại điện tử cùng cấu thành nên chuỗi cung ứng và truy xuất nguồn gốc sản phẩm.

- Chuyển đổi số trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường: Xây dựng, phát triển các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu toàn diện nhằm quản lý hiệu quả lĩnh vực tài nguyên và môi trường của tỉnh, như: Cơ sở dữ liệu đất đai tỉnh Hưng Yên; các cơ sở dữ liệu về lĩnh vực khác (nền địa lý; quan trắc tài nguyên và môi trường; đa dạng sinh học; nguồn thải; biến đổi khí hậu; khí tượng - thủy văn; địa chất - khoáng sản...); xây dựng bản đồ số tỉnh Hưng Yên mở; triển khai các giải pháp thông minh trong quan trắc, giám sát, quản lý, xử lý sự cố môi trường, cảnh báo sớm thiên tai.

- Chuyển đổi số trong lĩnh vực giao thông vận tải và logistics:

+ Xây dựng, phát triển hệ thống giao thông thông minh, tập trung vào các hệ thống giao thông đô thị, các quốc lộ, tỉnh lộ; chuyển đổi việc quản lý kết cấu hạ tầng giao thông, phương tiện kinh doanh vận tải, quản lý người điều khiển phương tiện, cho phép quản lý kết cấu hạ tầng giao thông số, đăng ký và quản lý phương tiện qua hồ sơ số, cấp và quản lý giấy phép người điều khiển phương tiện số.

+ Xây dựng, phát triển các nền tảng kết nối giữa các chủ hàng, các đơn vị giao vận và khách hàng, phát triển thành một hệ thống một cửa, cho phép chủ hàng có thể tìm ra phương tiện tối ưu để vận chuyển hàng hóa và các kho bãi chính xác cũng như hỗ trợ việc đóng gói và hỗ trợ đăng ký, hoàn thiện các quá trình xử lý văn bản hành chính liên quan.

- Chuyển đổi số trong lĩnh vực tài chính - ngân hàng: Triển khai ứng dụng toàn diện công nghệ số trong các ngành thuế, hải quan, kho bạc, chứng khoán và ngân hàng. Các ngân hàng thương mại cung cấp dịch vụ ngân hàng số theo hướng phát triển đa dạng các kênh phân phối; tự động hóa quy trình, thúc đẩy hợp tác với các công ty công nghệ tài chính và trung gian thanh toán trong việc xây dựng hệ sinh thái dịch vụ tài chính ngân hàng để thúc đẩy phổ cập, đưa dịch vụ tài chính - ngân hàng đến gần hơn những đối tượng chưa có khả năng tiếp cận hoặc chưa được ngân hàng phục vụ dựa trên sự đổi mới của công nghệ như thanh toán di động, cho vay ngân hàng. Hỗ trợ khả năng tiếp cận vốn vay nhờ các giải pháp chấm điểm tín dụng với kho dữ liệu khách hàng và mô hình chấm điểm đáng tin cậy.

- Chuyển đổi số trong lĩnh vực năng lượng: Chuyển đổi số ngành điện lực hướng đến tối đa hóa và tự động hóa các mạng lưới cung ứng điện một cách hiệu quả. Kết nối các đồng hồ đo điện số để cải thiện tốc độ và sự chính xác của hóa đơn, xác định sự cố về mạng lưới nhanh hơn, hỗ trợ người dùng theo dõi việc sử dụng điện tiết kiệm, hiệu quả và phát hiện ra các tổn thất, mất mát điện năng.

- Chuyển đổi số trong lĩnh vực văn hóa, du lịch: Triển khai các hệ thống thông tin để tăng cường quảng bá sản phẩm văn hóa truyền thống của tỉnh trên môi trường mạng; xây dựng hình ảnh, văn hóa con người Hưng Yên thân thiện, văn minh trên không gian mạng, gắn với đảm bảo quốc phòng, an ninh và trật tự an toàn xã hội.

8- Bảo đảm an toàn thông tin, an ninh mạng

Xây dựng quy trình vận hành các hệ thống thông tin của tỉnh đảm bảo tính cập nhật liên tục theo các khuyến cáo về an toàn, an ninh thông tin, đánh giá các rủi ro, thường xuyên giám sát các nguy cơ, phát hiện, cảnh báo sớm những thay đổi hay tấn công vào các hệ thống thông tin.

Triển khai đầu tư mới, nâng cấp trang thiết bị, phương tiện khoa học kỹ thuật hiện đại để chủ động quản lý an ninh mạng, bảo mật thông tin và an toàn dữ liệu; phòng chống hiệu quả các hoạt động phá hoại, thâm nhập hệ thống quản lý, điều hành chính quyền điện tử; tham gia chia sẻ dữ liệu quản lý công dân trong một số lĩnh vực công trực tuyến như: Định danh điện tử, lưu trữ và truy xuất thông tin người dân.

Xây dựng, cập nhật Trung tâm giám sát an ninh mạng tỉnh để cảnh báo sớm nguy cơ, điều phối ứng cứu sự cố mất an toàn, an ninh mạng cho các cơ quan, tổ chức tại tỉnh, giúp bảo vệ quyền lợi chính đáng của người sử dụng và doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trước những rủi ro và khi xảy ra sự cố.

Đào tạo, hướng dẫn kỹ năng cơ bản và nâng cao cho cán bộ, công chức, viên chức và người lao động về an toàn thông tin, an ninh mạng. Xây dựng đội ngũ chuyên gia an toàn, an ninh mạng để kịp thời theo dõi, phòng ngừa, ngăn chặn, phối hợp xử lý, khắc phục sự cố về an toàn, an ninh mạng và tội phạm sử dụng công nghệ cao; tuyên truyền, hướng dẫn người dân nâng cao nhận thức tự bảo vệ khi tham gia hoạt động trên môi trường số.

9- Đảm bảo nguồn lực chuyển đổi số

Hàng năm, ưu tiên bố trí ít nhất 1,0% tổng chi cân đối ngân sách địa phương và huy động các nguồn kinh phí hợp pháp khác để triển khai thực hiện các hoạt động, chương trình, đề án, dự án thuộc Chương trình này, đặc biệt là công tác đào tạo, đào tạo lại cán bộ chuyên trách về công nghệ thông tin. Tập trung đầu tư cho các dự án trọng điểm có tính đột phá.

IV- TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1- Đảng đoàn Hội đồng nhân dân tỉnh chỉ đạo việc giám sát theo luật định và cụ thể hóa các cơ chế, chính sách thực hiện; Ban cán sự đảng Ủy ban nhân dân tỉnh cụ thể hóa, chỉ đạo các sở, ngành, các huyện, thị xã, thành phố xây dựng các đề án, dự án cụ thể để triển khai thực hiện Nghị quyết.

2- Các huyện ủy, thị ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy xây dựng chương trình hoặc kế hoạch thực hiện Nghị quyết này, bảo đảm hiệu quả, phù hợp với điều kiện của địa phương, đơn vị mình.

3- Các sở, ban, ngành, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh theo chức năng, nhiệm vụ, xây dựng chương trình hoặc kế hoạch để thực hiện cho phù hợp, hiệu quả.

4- Các đồng chí Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Ủy viên Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh phụ trách địa phương, đơn vị có trách nhiệm lãnh đạo, chỉ đạo, đôn đốc triển khai thực hiện có hiệu quả Nghị quyết này.

5- Văn phòng Tỉnh ủy chủ trì, phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông, các cơ quan, đơn vị có liên quan theo dõi, đôn đốc việc triển khai thực hiện Nghị quyết; định kỳ báo cáo Ban Thường vụ Tỉnh ủy theo quy định.

Nghị quyết này phổ biến đến chi bộ.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng (để báo cáo),
- Ban KTTW, VPTW Đảng,
- BCSD Bộ Thông tin và Truyền thông,
- Đảng đoàn HĐND tỉnh, BCSD UBND tỉnh,
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh,
- Các huyện ủy, thị ủy, thành ủy, ĐUTTTU,
- Các đ/c Tỉnh ủy viên,
- Lãnh đạo VPTU,
- CV: KT-XH, TH,
- Lưu VPTU.

**T/M BAN CHẤP HÀNH
PHÓ BÍ THƯ THƯỜNG TRỰC**



Nguyễn Duy Hưng